| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MAI SƠN**<br>**TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày 24 tháng 4 năm 2024<br>V/v xin ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Tráng A Tếnh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Đức Việt

2. Ông Cầm Văn Tổ

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà****:* Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 4 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Giàng Thị S, sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản S, T, xã N, B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Bị đơn:*** Anh Mùa A L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản S, T, xã N, B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giàng Thị S trình bày như sau*:

Chị và anh Mùa A L kết hôn với nhau từ năm 2004, do cả hai cùng tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T H, huyện Mai Sơn,

tỉnh Sơn La vào ngày 19/06/2004, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L hay uống rượi không làm chủ được bản thân, hay chửi đánh vợ, nhiều lần chị đã nghĩ quẩy may có anh em phát hiện ra cứu được chị, nhiều lần anh L đánh chị giây thương tích gia đình đã báo Công an, Công an cũng đã triệu tập anh L ra xã để làm việc, anh L viết cam kết xin lỗi, chị S lại tha thứ nhưng chỉ được thời gian ngắn anh L lại tái phạm, Năm 2023 chị và anh L cùng xuống Hà Nội làm không chịu làm ăn, thường xuyên đánh chị sau đó bỏ về Sơn La. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không thể quay về tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Mùa A N, sinh ngày 14/6/1999 và cháu Mùa Thị P, sinh ngày 18/02/2001. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành có gia đình riêng ổn định.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/04/2023 bị đơn anh Mùa A L trình bày:*

Về tình cảm, anh L xác định anh và chị Giàng Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2004, có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tính cách không hợp hay sảy ra cãi vã, đánh nhau, bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng không thành. Sau đó chị S bỏ xuống Hà Nội đi làm không quan tâm đến gia đình. Nay chị S có đơn xin ly hôn với anh, anh chưa đồng ý ly hôn nhưng nếu chị S cương quyết anh cũng đành chịu. Anh đã biết được việc xin ly hôn của chị S đối với anh nhưng anh không ra Tòa được vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung, Anh chị có 02 con chung là cháu Mùa A N, sinh ngày 14/6/1999 và cháu Mùa Thị P, sinh ngày 18/02/2001. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành có gia đình riêng ổn định.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung của chị S và anh L tại bản Sơn Tra, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn. Qua xác minh tại Ban quản lý bản: Chị S và anh L kết hôn năm 2004 và sinh sống tại bản Sơn Tra, xã Nà Bó đến năm 2023 anh chị sảy ra mâu thuẫn. Do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay sảy ra cãi nhau. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải khuyên bảo nhưng không thành. Sau đó chị S đã đi làm công

nhân ở Hà Nội. Về con chung: Anh chị có 02 con chung các cháu đều đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung ban quản lý không nắm rõ, đề nghị Tòa án căn cứ vào ý kiến của vợ chồng.

Do bị đơn không có mặt để tham gia tố tụng trong quá trình tòa án tổ chức hòa giải, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, do đó vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giàng Thị S và anh Mùa A L. Về con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh L đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

***[1] Về tố tụng:*** Chị Giàng Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Mùa A L có địa chỉ tại: Bản Sơn Tra, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh

chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng trực tiếp cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn cố tình không có mặt tại Tòa án. Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Giàng Thị S và Mùa A L.

***[2] Về yêu cầu xin ly hôn:***

*[2.1] Về hôn nhân:* Chị Giàng Thị S và anh Mùa A L tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2004, anh chị đã được UBND xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/6/2004 . Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị S, mâu thuẫn là do anh L hay uống ruợi không làm chủ được bản thân về lại đánh chị, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Ý kiến của anh L mâu Thuẫn vợ chồng là do tính không hợp cũng hay sảy ra cãi vã đánh chửi nhau. Việc chị S xin ly hôn anh L có biết nhưng bận đi làm nên không có mặt tại Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh L đã biết chị S xin ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, chị S cương quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Giàng Thị S, xử cho chị S được ly hôn với anh Mùa A L.

*[2.2] Về con chung:* Các tài liệu chị S cung cấp và ý kiến của anh L khẳng định trong thời gian hôn nhân, anh chị có 02 con chung nhưng điều đã trưởng thành.

*[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều khẳng định không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

*[2.4] Về án phí:* Chị S chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giàng Thị S và anh Mùa A L.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Mùa A N, sinh ngày 14/6/1999 và cháu Mùa Thị P, sinh ngày 18/02/2001. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành có gia đình riêng ổn định.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Chị Giàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền Tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000298 ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
-UBND xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tráng A Tếnh**